

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 ban hành quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024); số 55/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, Quyết định 64/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 và Quyết định 47/2022/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của UBND các huyện, thành phố; kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; đề xuất Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Tờ trình và Báo cáo số 62/BC-STNMT ngày 24/3/2023; ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh tại Thông báo số 159/TB-UBND ngày 27/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất thực hiện trong năm 2023 để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện 31 dự án, công trình trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt (Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thành phố chịu hoàn toàn trách

nhiệm về kết quả xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Trà Bồng, Sơn Tịnh, Minh Long, Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tây và thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, P.KTN, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH Tien106.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên

Phụ lục số 01
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng
Khu tái định cư Vạn Tường tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn
(Kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Công văn số 383/UBND-TNMT ngày 20/02/2023 của UBND huyện Bình Sơn;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 49/TB-HĐTĐGD ngày 02/3/2023;

- Tờ trình số 873/TTr-STNMT ngày 03/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất ở tại nông thôn thuộc vị trí 4, khu vực 1	1,00
3	Đất cơ sở tín ngưỡng thuộc vị trí 2, khu vực 2	1,00



Phục lục 02
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Thủy điện Trà Phong, tại xã Trà Xinh,
xã Trà Phong và xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng
(Kèm theo Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 24/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 78/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;
- Tờ trình số 1179/TTr-STNMT ngày 03/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Đất nông nghiệp tại xã Trà Xinh	
1	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 3	1,00
II	Đất nông nghiệp tại xã Trà Phong	
1	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 2	1,00
3	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 3	1,00
III	Đất nông nghiệp tại xã Sơn Trà	
1	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2	1,00
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 3	1,00
3	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 2	1,00
4	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 3	1,00
5	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 3	1,00
6	Đất nuôi trồng thủy sản thuộc vị trí 3	1,00
7	Đất trồng lúa thuộc vị trí 3	1,00



Phụ lục số 03
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Cầu Suối Nang 3,
thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng
(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 24/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 58/TB-HĐTĐGD ngày 09/3/2023;

- Tờ trình số 1055/TTr-STNMT ngày 14/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Đất nông nghiệp	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
II	Đất ở tại đô thị	
1	Đất ở thuộc vị trí 1, đường loại 3	1,00
2	Đất ở thuộc vị trí 6, đường loại 1	1,00



Phụ lục số 04
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Khu công viên cây xanh thị
trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng
(Kèm theo Quyết định số ~~213~~ **29**/QĐ-UBND ngày **29**/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 24/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 59/TB-HĐTĐGD ngày 09/3/2023;

- Tờ trình số 1056/TTr-STNMT ngày 14/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 05

**Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Cầu và đường nối từ
Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3)**
(Kèm theo Quyết định số ~~213~~ **213**/QĐ-UBND ngày **29**/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 22/02/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 80/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;
- Tờ trình số 1187/TTr-STNMT ngày 17/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Tại xã Tịnh Hà:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất ở tại nông thôn thuộc vị trí 4, khu vực 3	1,00
II	Tại xã Tịnh Sơn:	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất ở tại nông thôn thuộc vị trí 4, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 06

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi, giai đoạn 1 xã Tịnh Phong và xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh

(Kèm theo Quyết định số ~~213~~ /QĐ-UBND ngày ~~29~~ /3/2023 của UBND tỉnh)

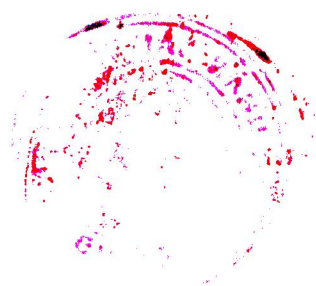
* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 27/02/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;

- Tờ trình số 1181/TTr-STNMT ngày 17/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Xã Tịnh Phong	
1	Đối với đất nông nghiệp	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 2	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
II	Xã Tịnh Thọ	
1	Đối với đất nông nghiệp	
	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	
	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00

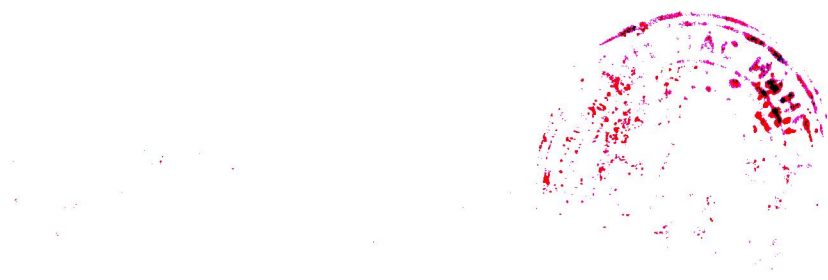


Phụ lục số 07
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu thương mại – Dịch vụ và
dân cư Tịnh Phong tại xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh
(Kèm theo Quyết định số 213 /QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 22/02/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 73/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;
- Tờ trình số 1184/TTr-STNMT ngày 17/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	<i>Đối với đất nông nghiệp</i>	
	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất bằng trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	<i>Đối với đất ở tại nông thôn</i>	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 2	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 08
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh,
xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh
(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 22/02/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 75/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;
- Tờ trình số 1183/TTr-STNMT ngày 17/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	<i>Đối với đất nông nghiệp</i>	
	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	<i>Đối với đất ở tại nông thôn</i>	
	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 09

**Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Tuyến đường D2 tại
Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh**
(Kèm theo Quyết định số **213** /QĐ-UBND ngày **29** /3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 22/02/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 74/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;

- Tờ trình số 1186/TTr-STNMT ngày 17/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	<i>Đối với đất nông nghiệp thuộc xã Tịnh Hà</i>	
	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 10

**Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể
tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án:
Trường tiểu học Tịnh Hà (Điểm trung tâm) - Hạng mục: Mở rộng
khuôn viên trường và các hạng mục phụ trợ tại xã Tịnh Hà,
huyện Sơn Tịnh**

(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 22/02/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 72/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;
- Tờ trình số 1182/TTr-STNMT ngày 17/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	<i>Đối với đất nông nghiệp thuộc xã Tịnh Hà</i>	
	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 11
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến
đường Trường Xuân - Quốc lộ 24 - Tỉnh Thọ (Bình Hiệp - Tịnh Trà)
(ĐH 20) tại các xã Tịnh Thọ, Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh
(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 22/02/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 76/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;

- Tờ trình số 1185/TTr-STNMT ngày 17/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Xã Tịnh Thọ	
1	<i>Đối với đất nông nghiệp</i>	
*	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	<i>Đối với đất ở tại nông thôn</i>	
*	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
II	Xã Tịnh Hà	
1	<i>Đối với đất nông nghiệp</i>	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	<i>Đối với đất ở tại nông thôn</i>	
*	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 12

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư Sơn Tịnh- Quảng Ngãi, tại phường Trương Quang Trọng và xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Công văn số 551/UBND-XD ngày 01/3/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 54/TB-HĐTĐGD ngày 07/3/2023;

- Tờ trình số 921/TTr-STNMT ngày 07/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Phường Trương Quang Trọng	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại đô thị	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 5, đường loại 1	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 3, đường loại 2	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 1, đường loại 3	1,00
2.4	Đất ở thuộc vị trí 2, đường loại 3	1,00
2.5	Đất ở thuộc vị trí 3, đường loại 3	1,00
II	Xã Tịnh Ấn Đông	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	

2.1	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 2	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 3	1,00

Phụ lục số 13

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh giai đoạn II, thành phần 1, tại các xã: Nghĩa Hà, Nghĩa Phú và Tịnh Hoà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số ~~213~~ /QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Công văn số 332/UBND-XD ngày 13/02/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 48/TB-HĐTĐGD ngày 02/3/2023;
- Tờ trình số 984/TTr-STNMT ngày 09/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Xã Nghĩa Hà	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00
II	Xã Nghĩa Phú	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00
2.4	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 2	1,00

III	Xã Tịnh Hoà	
1	<i>Đối với đất nông nghiệp:</i>	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản thuộc vị trí 1	1,00
2	<i>Đối với đất ở tại nông thôn</i>	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 1	1,00

Phụ lục số 14

**Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu tái định cư
xã Tịnh Ấn Tây, tại xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi,
tỉnh Quảng Ngãi**

(Kèm theo Quyết định số ~~213~~ /QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Công văn số 396/UBND-XD ngày 17/02/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 61/TB-HĐTĐGD ngày 09/3/2023;

- Tờ trình số 1020/TTr-STNMT ngày 13/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
<i>1</i>	<i>Đối với đất nông nghiệp:</i>	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00



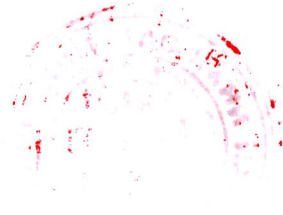
Phụ lục số 15

**Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình: Dự án bố trí ổn định
dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Tré, xã Long Môn, huyện Minh Long**
(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 21/02/2023 của UBND huyện Minh Long;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 64/TB-HĐTĐGD ngày 09/3/2023;
- Tờ trình số 1018/TTr-STNMT ngày 13/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	*Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
1.3	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 16
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đập dâng hạ lưu
sông Trà Khúc, tại xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi,
tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Công văn số 407/UBND-XD ngày 17/02/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 62/TB-HĐTĐGD ngày 09/3/2023;

- Tờ trình số 1019/TTr-STNMT ngày 13/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 17

**Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Cầu sông Phước Giang,
xã Long Sơn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi**

(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 01/3/2023 của UBND huyện Minh Long;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 77/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;

- Tờ trình số 1167/TTr-STNMT ngày 17/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	Đối với đất nông nghiệp:	
	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	
	Đất ở thuộc vị trí 6, khu vực 1	1,00



Phụ lục số 18
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình: Kè chống sạt lở bờ
Sông Vệ, đoạn qua xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức (Xóm A, xã Đức Lợi)
(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 28/02/2023 và Công văn số 187/UBND-KT ngày 23/02/2023 của UBND huyện Mộ Đức;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 60/TB-HĐTĐGD ngày 09/3/2023;
- Tờ trình số 1086/TTr-STNMT ngày 15/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất nuôi trồng thủy sản thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 19
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình: Đường ven biển
Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIb, đoạn qua xã Bình Châu,
huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 213 /QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Công văn số 243/UBND-TNMT ngày 03/02/2023 của UBND huyện Bình Sơn;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 39/TB-HĐTĐGD ngày 20/02/2023;
- Tờ trình số 698/TTr-STNMT ngày 22/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
*	<i>Đối với đất nông nghiệp:</i>	
1	Đất trồng cây hàng năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất làm muối thuộc vị trí 1	1,00
3	Đất nuôi trồng thủy sản thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 20

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

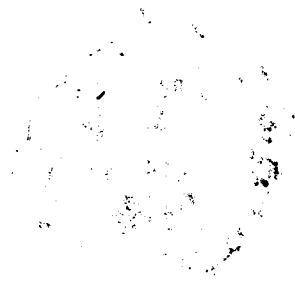
* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 08/02/2023 của UBND huyện Mộ Đức;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 36/TB-HĐTĐGD ngày 20/02/2023;
- Tờ trình số 741/TTr-STNMT ngày 24/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Xã Đức Hòa	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 2	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
2.4	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00
II	Xã Đức Phong	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 2	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2	1,00
III	Xã Đức Lân	
1	Đối với đất nông nghiệp:	

1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 2	1,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
1.4	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2	1,00
1.5	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
2.4	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 3	1,00
2.5	Đất ở thuộc vị trí 6, khu vực 3	1,00
IV	Xã Đức Tân	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 2	1,00
1.3	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 3	1,00
1.4	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
1.5	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2	1,00
1.6	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 3	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
V	Thị trấn Mộ Đức	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng lúa thuộc vị trí 2	1,00

1.2	Đất nuôi trồng thủy sản thuộc vị trí 2	1,00
-----	--	-------------



Phụ lục số 21
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Đường Tránh Đông
huyện Nghĩa Hành (giai đoạn 2) đoạn qua thị trấn Chợ Chùa,
huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 08/02/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 34/TB-HĐTĐGD ngày 20/02/2023;
- Tờ trình số 697/TTr-STNMT ngày 22/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại đô thị:	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 3, đường loại 3	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 7, đường loại 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 8, đường loại 3	1,00



Phụ lục 22

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Khu Nghĩa trang nhân dân Núi Rổ - Gò Rộng thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 01/02/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 22/TB-HĐTĐGD ngày 10/02/2022;
- Tờ trình số 544/TTr-STNMT ngày 14/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
*	<i>Đối với đất nông nghiệp</i>	
	Đất trồng cây lâu năm (CLN) thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 23

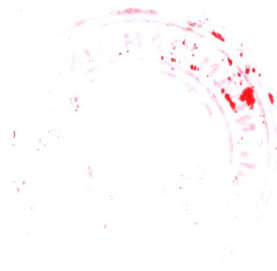
**Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Trường bắn thao trường huấn
luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa, tại xã Nghĩa Kỳ,
huyện Tư Nghĩa**

*(Kèm theo Quyết định số **713**/QĐ-UBND ngày **29**/3/2023 của UBND tỉnh)*

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 06/02/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 33/TB-HĐTĐGD ngày 20/02/2023;
- Tờ trình số 722/TTr-STNMT ngày 23/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
3	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 24

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ, tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa

(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 09/02/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 35/TB-HĐTĐGD ngày 20/02/2023;

- Tờ trình số 721/TTr-STNMT ngày 23/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
3	Đất nuôi trồng thủy sản thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở tại nông thôn:	
4	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
5	Đất ở thuộc vị trí 6, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 25

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 tại xã Nghĩa Kỳ và xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa (Kèm theo Quyết định số ~~213~~ **29**/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 08/02/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 37/TB-HĐTĐGD ngày 20/02/2023;

- Tờ trình số 719/TTr-STNMT ngày 23/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Khu tái định cư Đồng Bà Thơi, xã Nghĩa Kỳ:	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn:	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 2	1,00
II	Khu tái định cư An Hội Bắc 1, xã Nghĩa Kỳ:	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
III	Tuyến đường, đoạn qua xã Nghĩa Kỳ và xã Nghĩa Điền:	

1	<i>Đối với đất nông nghiệp:</i>	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản thuộc vị trí 1	1,00
1.4	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00
2	<i>Đối với đất ở tại nông thôn:</i>	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 1	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 2	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
2.4	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
2.5	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00
2.6	Đất ở thuộc vị trí 6, khu vực 3	1,00

Phụ lục số 26
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Mở rộng trụ sở làm việc Huyện ủy
Tur Nghĩa, tại thị trấn La Hà, huyện Tur Nghĩa
(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 09/02/2023 của UBND huyện Tur Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 47/TB-HĐTĐGD ngày 02/3/2023;

- Tờ trình số 891/TTr-STNMT ngày 06/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đất ở tại đô thị:	
1	Đất ở thuộc vị trí 2, đường loại 2	1,00



Phụ lục số 27

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu tái định cư xã Nghĩa Hoà, huyện Tư Nghĩa, phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư dự án Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1

*(Kèm theo Quyết định số **213**/QĐ-UBND ngày **29**/3/2023 của UBND tỉnh)*

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 24/02/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 52/TB-HĐTĐGD ngày 07/3/2023;

- Tờ trình số 970/TTr-STNMT ngày 08/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở tại nông thôn:	
2	Đất ở thuộc vị trí 7, khu vực 1	1,00
3	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
4	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
5	Đất ở thuộc vị trí 6, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 28

**Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường ven biển Dung Quất -
Sa Huỳnh, giai đoạn II, thành phần 1, đoạn qua xã Nghĩa Hoà,
huyện Tư Nghĩa**

(Kèm theo Quyết định số **213/QĐ-UBND** ngày **29/3/2023** của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 24/02/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 53/TB-HĐTĐGD ngày 07/3/2023;

- Tờ trình số 969/TTr-STNMT ngày 08/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở tại nông thôn:	
2	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
3	Đất ở thuộc vị trí 7, khu vực 1	1,00



Phụ lục số 29
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường Nghĩa Lâm -
Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa, đoạn qua xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa
(Kèm theo Quyết định số 213 /QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 57/TB-HĐTĐGD ngày 09/03/2023;

- Tờ trình số 1043/TTr-STNMT ngày 14/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở tại nông thôn:	
3	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 2	1,00



Phụ lục số 30

**Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Đường điện 0,4Kv tuyến
Ngã ba huyện đội – Nhà ông Đình Văn Hai tại xã Sơn Dung,
huyện Sơn Tây**

(Kèm theo Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Công văn số 237/UBND ngày 22/02/2023 của UBND huyện Sơn Tây;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 63/TB-HĐTĐGD ngày 09/3/2023;
- Tờ trình số 1046TTr-STNMT ngày 14/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
*	Đối với đất nông nghiệp:	
	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 31

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Khu tái định cư Đồng Trước An Định và Khu tái định cư Đồng An Sơn thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành

(Kèm theo Quyết định số **213**/QĐ-UBND ngày **29**/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 13/02/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 38/TB-HĐTĐGD ngày 20/02/2023;

- Tờ trình số 699/TTr-STNMT ngày 22/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	Khu tái định cư Đồng Trước An Định	
*	<i>Đối với đất nông nghiệp:</i>	
	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	2,25
2	Khu tái định cư Đồng An Sơn	
*	<i>Đối với đất nông nghiệp:</i>	
	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	2,25

